

Nghị quyết số: /2025/QH15

DỰ THẢO 4**NGHỊ QUYẾT****Thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù, đặc biệt để phát triển hệ thống mạng lưới đường sắt đô thị tại Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh****QUỐC HỘI**

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Quốc hội ban hành Nghị quyết thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù, đặc biệt để phát triển hệ thống mạng lưới đường sắt đô thị tại Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh.

QUYẾT NGHỊ:**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định một số chính sách đặc thù, đặc biệt để phát triển hệ thống mạng lưới đường sắt đô thị tại Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có hoạt động thuộc phạm vi điều chỉnh tại Điều 1 Nghị quyết này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị quyết này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Phát triển đô thị theo định hướng giao thông công cộng (sau đây gọi là mô hình TOD)* là giải pháp quy hoạch, đầu tư cải tạo, chỉnh trang và phát triển đô thị, lấy điểm kết nối giao thông đường sắt đô thị làm điểm tập trung dân cư, kinh doanh dịch vụ thương mại, văn phòng trong khoảng cách đi bộ đến phương tiện giao thông công cộng nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất, công trình công cộng, sức khỏe cộng đồng, giảm phương tiện giao thông cơ giới cá nhân, giảm phát thải gây ô nhiễm môi trường, kết hợp với bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa.

2. *Quy hoạch khu vực TOD* là quy hoạch được phát triển chuyên biệt theo định hướng ưu tiên đi lại bằng giao thông công cộng cho khu vực bao gồm nhà ga hoặc đề-pô đường sắt đô thị và vùng phụ cận để xây dựng tuyến đường sắt đô thị kết hợp đầu tư cải tạo, chỉnh trang đô thị, phát triển đô thị.

3. *Dự án đường sắt đô thị theo mô hình TOD* là dự án đầu tư đường sắt đô thị kết hợp với đầu tư phát triển đô thị trong khu vực TOD.

Điều 4. Về huy động nguồn vốn

1. Trong quá trình chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư các dự án, Thủ tướng Chính phủ được quyết định:

a) Cân đối, bố trí kế hoạch đầu tư công trung hạn, hằng năm vốn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương, tối đa không vượt 215.350 nghìn tỷ đồng (tương đương khoảng 8,61 tỷ USD) cho Thành phố Hà Nội và tối đa không vượt 209.500 nghìn tỷ đồng (tương đương khoảng 8,38 tỷ USD) cho Thành phố Hồ Chí Minh trong các kỳ kế hoạch đầu tư công trung giai đoạn 2026-2030 và 2031-2035 làm cơ sở quyết định đầu tư và thực hiện đầu tư các dự án thuộc danh mục kèm theo Nghị quyết này.

b) Sử dụng nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách trung ương hằng năm (nếu có) và các nguồn vốn hợp pháp khác cho các dự án mà không phải thực hiện thứ tự ưu tiên theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

c) Huy động vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn vay ưu đãi nước ngoài để thực hiện các dự án và không phải lập Đề xuất dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài theo quy định của pháp luật có liên quan;

d) Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật và quy định của nhà tài trợ nước ngoài có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của nhà tài trợ nước ngoài, trừ trường hợp trái với Hiến pháp.

2. Hội đồng nhân dân Thành phố có trách nhiệm cân đối, bố trí kế hoạch đầu tư công trung hạn, hằng năm vốn ngân sách địa phương làm cơ sở quyết định đầu tư và thực hiện đầu tư các dự án thuộc danh mục kèm theo Nghị quyết này từ các nguồn sau:

a) Ngân sách địa phương trong các kỳ trung hạn và hằng năm;

b) Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi mà không phải thực hiện thứ tự ưu tiên theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước;

c) Các nguồn vốn hợp pháp khác.

3. Các dự án được bố trí vốn qua các kỳ kế hoạch đầu tư công trung hạn, mức vốn bố trí mỗi kỳ kế hoạch đầu tư công trung hạn phù hợp với tiến độ thực hiện từng dự án và không giới hạn phần vốn chuyển tiếp của các dự án sang kỳ kế hoạch đầu tư công trung hạn tiếp theo.

4. Ủy ban nhân dân Thành phố được quyết định bố trí vốn từ ngân sách Thành phố trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và kế hoạch đầu tư công hằng năm để triển khai trước một số hoạt động phục vụ cho dự án như sau:

a) Các nhiệm vụ chi của chủ đầu tư, Ban quản lý dự án; đào tạo nguồn nhân lực của cơ quan nhà nước, đơn vị quản lý dự án, đơn vị vận hành khai thác, cơ sở đào tạo, cơ sở nghiên cứu;

b) Chi trả các dịch vụ tư vấn;

c) Thực hiện các công việc trong công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư;

d) Thực hiện công tác truyền thông và các công việc khác phục vụ chuẩn bị đầu tư dự án.

Điều 5. Về trình tự, thủ tục thực hiện đầu tư

1. Về lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư và quyết định đầu tư các dự án đường sắt đô thị, dự án đường sắt đô thị theo mô hình TOD:

a) Dự án đường sắt đô thị, dự án đường sắt đô thị theo mô hình TOD được thực hiện ngay việc lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án mà không phải thực hiện thủ tục lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư và các thủ tục khác có liên quan đến quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật có liên quan.

b) Ủy ban nhân dân Thành phố được tổ chức lập, thẩm định, quyết định đầu tư và quyết định điều chỉnh dự án đường sắt đô thị, dự án đường sắt đô thị theo mô hình TOD mà không phải lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất theo quy định của pháp luật có liên quan.

c) Trình tự, thủ tục lập, thẩm định, quyết định đầu tư và điều chỉnh dự án đường sắt đô thị, dự án đường sắt đô thị theo mô hình TOD được thực hiện tương tự như dự án nhóm A do địa phương quản lý theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định việc phân chia dự án thành các dự án thành phần, tiểu dự án khi quyết định đầu tư. Việc phân chia dự án thành phần, tiểu dự án không phải áp dụng theo quy định của pháp luật về xây dựng.

3. Trường hợp kéo dài thời gian thực hiện dự án mà không làm tăng tổng mức đầu tư, Ủy ban nhân dân Thành phố được quyết định gia hạn thời gian thực hiện mà không phải thực hiện thủ tục điều chỉnh dự án.

4. Ủy ban nhân dân Thành phố được quyết định các công trình đường sắt đô thị (nhà ga, nút giao, cầu, các hạng mục công trình liên quan thuộc dự án đường sắt đô thị) không phải thi tuyển phương án kiến trúc.

5. Dự án đường sắt đô thị, dự án đường sắt đô thị theo mô hình TOD được lập thiết kế kỹ thuật tổng thể (FEED) thay thế cho thiết kế cơ sở trong Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án; việc lựa chọn nhà thầu EPC trên cơ sở dự án đầu tư được phê duyệt; chủ đầu tư được quyết định việc phê duyệt đối với các bước thiết kế sau thiết kế FEED.

6. Về lập tổng mức đầu tư, dự toán gói thầu:

a) Đối với các hạng mục công việc có nhưng chưa phù hợp hoặc chưa có trong hệ thống định mức, đơn giá xây dựng, vận hành và bảo trì công trình được cấp có thẩm quyền ban hành, dự án đường sắt đô thị, dự án đường sắt đô thị theo mô hình TOD được áp dụng hệ thống định mức xây dựng, giá xây dựng, vận hành và bảo trì do các tổ chức quốc tế công bố hoặc của các dự án đường sắt tương tự trên thế giới và được quy đổi về thời điểm tính toán;

b) Đối với các hạng mục không thể xác định chi phí theo điểm a khoản này được phép xác định chi phí theo suất vốn đầu tư của dự án đường sắt tương tự trên thế giới và được quy đổi về thời điểm tính toán;

c) Đối với các khoản mục chi phí chưa được quy định trong pháp luật Việt Nam hoặc đã có quy định trong pháp luật Việt Nam nhưng chưa phù hợp với các dự án đường sắt có tính chất, điều kiện triển khai tương tự, được áp dụng các khoản mục chi phí như các dự án đường sắt đô thị có tính chất, điều kiện triển khai tương tự trên thế giới.

7. Ủy ban nhân dân Thành phố được quyết định việc áp dụng các hình thức chi định thầu đối với việc lựa chọn nhà thầu tư vấn, phi tư vấn, thi công; tổng thầu EPC, chìa khóa trao tay; nhà đầu tư các dự án đường sắt đô thị, dự án đường sắt đô thị theo mô hình TOD. Trình tự, thủ tục thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

8. Ủy ban nhân dân Thành phố được quyết định sử dụng dự phòng ngân sách địa phương hằng năm, ứng trước dự toán ngân sách địa phương năm sau để thực hiện các dự án, bảo đảm mức ứng trước không quá 50% dự toán chi đầu tư xây dựng cơ bản năm thực hiện của các công trình xây dựng cơ bản thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn được giao.

9. Về công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, thu hồi đất

a) Căn cứ phương án tuyến công trình, vị trí công trình trên tuyến đường sắt đô thị đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận hoặc quy hoạch khu vực TOD đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, Ủy ban nhân dân Thành phố được phép tách công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thành dự án độc lập, tổ chức lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư sử dụng vốn ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật đầu tư công.

b) Tập đoàn Điện lực Việt Nam tổ chức thực hiện công tác di dời công trình điện có điện áp từ 110KV trở lên.

Điều 6. Về phát triển đô thị theo mô hình TOD

1. Tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch khu vực TOD:

a) Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức lập, điều chỉnh quy hoạch khu vực TOD để xác định vị trí, ranh giới, diện tích đất thu hồi. Trong khu vực TOD, Ủy ban nhân dân Thành phố được quyết định các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật, chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch khác với quy định tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch đô thị và nông thôn nhưng phải bảo đảm đáp ứng về hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội; Ủy ban nhân dân Thành phố được điều chỉnh chức năng sử dụng các khu đất trong khu vực TOD để khai thác quỹ đất và giá trị tăng thêm từ đất, phát triển các tuyến đường sắt đô thị, phát triển đô thị trong khu vực TOD.

b) Khi lập, điều chỉnh phương án tuyến công trình, vị trí công trình trên tuyến đường sắt đô thị, quy hoạch khu vực TOD, Ủy ban nhân dân Thành phố được quyết định các nội dung khác với quy hoạch đô thị và nông thôn, quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Quyết định phê duyệt phương án tuyến công trình, vị trí công trình trên tuyến đường sắt đô thị, quy hoạch khu vực TOD có giá trị thay thế cho phần nội dung điều chỉnh

cục bộ quy hoạch khu vực có liên quan và không phải làm thủ tục điều chỉnh quy hoạch đã được phê duyệt trước đó.

2. Căn cứ quy hoạch khu vực TOD, Ủy ban nhân dân Thành phố được phép quyết định việc chuyển nhượng chỉ tiêu quy hoạch giữa các dự án, công trình trong khu vực TOD mà không phải lập, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất theo quy định của pháp luật liên quan.

3. Hội đồng nhân dân Thành phố quy định nội dung, trình tự, thủ tục thực hiện việc chuyển nhượng chỉ tiêu quy hoạch giữa các dự án, công trình trong khu vực TOD.

Điều 7. Phát triển công nghiệp đường sắt, chuyển giao công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực

1. Ủy ban nhân dân Thành phố được quyết định lựa chọn áp dụng quy chuẩn, tiêu chuẩn cho các tuyến đường sắt đô thị của Thành phố, sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Giao thông vận tải.

2. Về phát triển khoa học, công nghệ và đào tạo phát triển nguồn nhân lực cho các dự án đường sắt đô thị

a) Tổ chức, cá nhân chủ trì hoạt động khoa học công nghệ phục vụ các dự án đường sắt đô thị được áp dụng các chính sách sau đây:

- Tổ chức, cá nhân chủ trì hoạt động khoa học công nghệ phục vụ các dự án được quyết định việc đấu thầu hạn chế, chỉ định thầu, đặt hàng để lựa chọn nhà thầu cung ứng dịch vụ, hàng hóa.

- Doanh nghiệp được hưởng ưu đãi như doanh nghiệp công nghệ cao theo quy định của pháp luật về công nghệ cao trong thời gian thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ phục vụ các dự án.

- Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập cá nhân từ việc thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ phục vụ các dự án.

b) Tổ chức, cá nhân tham gia đào tạo phát triển nguồn nhân lực công nghệ cao thuộc các dự án đường sắt đô thị được hưởng các chính sách ưu đãi theo quy định của pháp luật về công nghệ cao.

3. Về phát triển công nghiệp và chuyển giao công nghệ

a) Chính phủ quy định tiêu chí lựa chọn tổ chức, doanh nghiệp nhà nước được giao nhiệm vụ hoặc tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam được đặt hàng cung cấp dịch vụ, hàng hóa công nghiệp đường sắt, nghiên cứu, ứng dụng, nhận chuyển giao công nghệ.

b) Thủ tướng Chính phủ quyết định danh mục dịch vụ, hàng hóa công nghiệp đường sắt được giao nhiệm vụ cho tổ chức, doanh nghiệp nhà nước hoặc đặt hàng cho tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam.

c) Tổng thầu, nhà thầu phải ưu tiên sử dụng các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ mà trong nước có thể sản xuất, cung cấp.

d) Đối với gói thầu được tổ chức đấu thầu quốc tế, hồ sơ mời thầu phải có điều kiện cam kết của tổng thầu, nhà thầu nước ngoài về việc chuyển giao công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực cho đối tác Việt Nam để làm chủ công tác quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì, từng bước làm chủ công nghệ.

Điều 8. Chính sách về vật liệu xây dựng và bãi đổ thải

1. Về khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng phục vụ các dự án đường sắt đô thị.

a) Đối với các mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường cung cấp cho các dự án đã được cấp phép, đang hoạt động, còn thời hạn khai thác hoặc đã hết thời hạn khai thác, còn trữ lượng nhưng chưa thực hiện thủ tục đóng cửa mỏ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định:

- Điều chỉnh trữ lượng khai thác, kéo dài thời hạn khai thác mỏ, nâng công suất theo nhu cầu của các dự án đường sắt đô thị mà không phải thực hiện thủ tục điều chỉnh quy hoạch tỉnh, quy hoạch ngành quốc gia, không phải lập dự án đầu tư khai thác khoáng sản điều chỉnh để thực hiện trình tự, thủ tục quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư, không phải thực hiện thủ tục thẩm định và phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường;

- Dừng việc nâng công suất khai thác sau khi đã cung cấp đủ cho các dự án đường sắt đô thị.

b) Đối với các mỏ khoáng sản nằm trong Hồ sơ khảo sát vật liệu xây dựng phục vụ dự án nhưng chưa cấp Giấy phép khai thác:

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chỉnh, bổ sung các mỏ khoáng sản này vào phương án quản lý về địa chất, khoáng sản trong quy hoạch tỉnh, quy hoạch ngành quốc gia mà không phải thực hiện thủ tục điều chỉnh quy hoạch tỉnh, quy hoạch ngành quốc gia; sử dụng nguồn dự phòng của dự án để tổ chức thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khu vực mỏ sau khi đã được khảo sát, đánh giá về trữ lượng, chất lượng theo yêu cầu của các dự án đường sắt đô thị và các nội dung khác theo quy định của pháp luật về địa chất và khoáng sản để cấp mỏ cho tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản phục vụ các dự án đường sắt đô thị; quản lý, giám sát quá trình thực hiện và quản lý sau khi hoàn thành các dự án đường sắt đô thị;

- Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản phục vụ các dự án không phải thực hiện thủ tục cấp Giấy phép khai thác đối với các mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường nằm trong Hồ sơ khảo sát vật liệu xây dựng phục vụ các dự án; không phải lập dự án đầu tư khai thác khoáng sản và báo cáo đánh giá tác động môi trường mà thực hiện cam kết bảo vệ môi trường gồm các nội dung sau: liệt kê các hạng mục công trình và hoạt động có khả năng tác động xấu đến môi trường; nhận dạng đối tượng bị tác động, yếu tố nhạy cảm về môi trường nơi khai thác; nhận dạng, đánh giá, dự báo tác động môi trường chính, chất thải phát sinh; quy mô, tính chất của chất thải; tác động đến đa dạng sinh học, di sản thiên nhiên, di tích lịch sử - văn hóa và yếu tố nhạy cảm khác; công trình, biện pháp giảm thiểu tác động môi trường tương ứng kèm theo quy chuẩn kỹ thuật áp dụng cho từng nguồn thải; nhận dạng, đánh giá sự cố môi trường có thể xảy ra và phương án

phòng ngừa, ứng phó sự cố; giải pháp, danh mục, khối lượng, kế hoạch thực hiện, dự toán kinh phí để tiến hành cải tạo, phục hồi môi trường;

- Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản phục vụ các dự án chịu trách nhiệm nộp thuế, phí và nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;

- Việc khai thác, sử dụng khoáng sản được thực hiện đến khi hoàn thành các dự án đường sắt đô thị và phải chịu sự quản lý, giám sát theo quy định của pháp luật;

c) Trường hợp đã khai thác hết trữ lượng khoáng sản tại các mỏ khoáng sản nằm trong Hồ sơ khảo sát vật liệu xây dựng phục vụ các dự án nhưng vẫn chưa đáp ứng đủ nhu cầu cung cấp vật liệu xây dựng cho các dự án, chủ đầu tư chủ trì tổ chức khảo sát, đề xuất Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định bổ sung mới các mỏ khoáng sản vào Hồ sơ khảo sát vật liệu xây dựng phục vụ các dự án; việc quản lý, khai thác, sử dụng khoáng sản tại các mỏ khoáng sản bổ sung mới thực hiện như quy định tại điểm b khoản này;

d) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ điều kiện thực tế để xem xét, hướng dẫn tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản phục vụ các dự án tự lập đánh giá tác động tới lòng, bờ, bãi sông đối với mỏ cát, sỏi lòng sông nằm ở đoạn sông, suối có nguy cơ sạt lở cao bảo đảm tuân thủ quy định về quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông; kiểm tra, kiểm soát việc sử dụng khoáng sản theo quy định của pháp luật.

2. Về bãi đổ chất thải rắn xây dựng và tầng đất mặt của đất chuyên trồng lúa nước phục vụ các dự án đường sắt đô thị, trong trường hợp cần thiết, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định:

a) Thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khu vực bãi đổ chất thải rắn xây dựng trong Hồ sơ khảo sát dự án và bàn giao mặt bằng cho nhà thầu để đổ chất thải rắn xây dựng của dự án;

b) Tổ chức quản lý bãi đổ chất thải rắn xây dựng của dự án theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về môi trường và quy định khác của pháp luật có liên quan;

c) Tổ chức xây dựng phương án sử dụng tầng đất mặt của đất chuyên trồng lúa nước thu hồi từ các dự án. Việc xây dựng phương án sử dụng tầng đất mặt của đất chuyên trồng lúa nước thu hồi từ các dự án thực hiện theo quy định của pháp luật về trồng trọt.

Điều 9. Các quy định áp dụng riêng cho Thành phố Hồ Chí Minh

1. Trong khu vực TOD, Ủy ban nhân dân Thành phố được thu và sử dụng 100% tiền thu đối với các khoản thu sau đây để phát triển hệ thống đường sắt đô thị, hệ thống giao thông công cộng, hạ tầng kỹ thuật kết nối với hệ thống vận tải hành khách công cộng:

a) Tiền thu đối với diện tích sàn xây dựng tăng thêm của dự án xây dựng công trình dân dụng do việc tăng hệ số sử dụng đất và các chỉ tiêu quy hoạch khác của khu vực TOD;

- b) Tiền thu từ việc khai thác giá trị tăng thêm từ đất trong khu vực TOD;
- c) Phí cải thiện hạ tầng.

2. Hội đồng nhân dân Thành phố quy định chi tiết phương pháp xác định mức thu, thẩm quyền, trình tự, thủ tục thực hiện việc thu tiền đối với các khoản thu quy định tại khoản 1 Điều này, bảo đảm không trùng thu với các loại thuế, phí khác.

3. Ủy ban nhân dân Thành phố được vay thông qua phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, vay từ các tổ chức tài chính trong nước, các tổ chức khác trong nước và từ nguồn vay nước ngoài của Chính phủ vay về cho Thành phố vay lại và các hình thức huy động vốn hợp pháp khác; tổng mức vay và bội chi ngân sách Thành phố hằng năm được Quốc hội quyết định trên cơ sở đảm bảo đủ nhu cầu nguồn vốn vay trong năm của Thành phố. Tổng mức dư nợ vay không vượt quá 120% số thu ngân sách Thành phố được hưởng theo phân cấp, trường hợp vượt quá 120% thì Quốc hội xem xét, điều chỉnh tăng mức dư nợ vay phù hợp theo nhu cầu thực tế của Thành phố.

Hằng năm, trong quá trình chấp hành ngân sách, Hội đồng nhân dân Thành phố được chủ động quyết định cụ thể nguồn vay trong nước và nguồn vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ bảo đảm trong tổng mức vay và bội chi ngân sách Thành phố đã được Quốc hội quyết định, Thủ tướng Chính phủ giao.

4. Ủy ban nhân dân Thành phố được phép tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư dự án có sử dụng đất để chỉnh trang phát triển đô thị trong khu vực TOD theo đồ án thiết kế đô thị riêng, đồ án quy hoạch đô thị vùng phụ cận các nhà ga thuộc tuyến đường sắt đô thị được cấp thẩm quyền phê duyệt.

5. Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức thẩm định và phê duyệt báo cáo thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp giấy phép môi trường trước khi dự án đường sắt đô thị, dự án đường sắt đô thị theo mô hình TOD vận hành thử nghiệm (nếu dự án thuộc đối tượng thực hiện thủ tục cấp giấy phép môi trường), đăng ký môi trường (nếu dự án không thuộc đối tượng cấp giấy phép môi trường).

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Trong thời gian Quốc hội không họp, Quốc hội ủy quyền cho Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định bổ sung, điều chỉnh cơ chế, chính sách đặc thù, đặc biệt cho các dự án.

2. Chính phủ chịu trách nhiệm trước Quốc hội trong việc:

a) Tổ chức thực hiện, quản lý đầu tư các dự án theo đúng Nghị quyết này và quy định của pháp luật có liên quan; bảo đảm các dự án đúng tiến độ, chất lượng;

b) Quản lý, sử dụng vốn và các nguồn lực tiết kiệm, hiệu quả, phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; thông tin đầy đủ để người dân hiểu, đồng thuận về chủ trương đầu tư các dự án;

c) Quyết định điều chỉnh danh mục các dự án ban hành kèm theo Nghị quyết này trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân Thành phố.

d) Ban hành Nghị định để quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị quyết này.

3. Đối với việc lựa chọn nhà đầu tư, nhà thầu các gói thầu EPC, gói thầu tư vấn sử dụng nhà thầu nước ngoài, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Thanh tra Chính phủ tham gia Tổ thẩm định khi được cơ quan có thẩm quyền mời.

4. Kiểm toán Nhà nước có trách nhiệm kiểm toán hồ sơ tổng mức đầu tư đã được hoàn thiện theo báo cáo thẩm định của cấp quyết định đầu tư để làm cơ sở phê duyệt dự án và gửi kết quả kiểm toán cho cấp quyết định đầu tư trong thời hạn không quá 30 ngày kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị kiểm toán.

5. Hội đồng nhân dân Thành phố có trách nhiệm:

a) Ban hành Nghị quyết để quy định chi tiết nội dung, trình tự, thủ tục, thẩm quyền đề thi điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù, đặc biệt để phát triển hệ thống mạng lưới đường sắt đô thị tại Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh.

b) Giám sát việc tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này, bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả, khả thi và tiến độ; không để trục lợi chính sách, thất thoát, lãng phí.

6. Ủy ban nhân dân Thành phố có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả, khả thi và tiến độ; không để trục lợi chính sách, thất thoát, lãng phí; chỉ đạo các sở, ngành, địa phương tổ chức thực hiện bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất, hiệu quả các dự án.

b) Huy động các doanh nghiệp đầu tư phương tiện; tiếp tục tái cơ cấu, xây dựng mô hình quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng bảo đảm thống nhất, hiện đại, hiệu quả; tham gia phát triển công nghiệp đường sắt.

c) Tổ chức kiện toàn Ban quản lý đường sắt đô thị của hai Thành phố bảo đảm đủ năng lực, kinh nghiệm của cơ quan, tổ chức được giao triển khai thực hiện dự án.

d) Phối hợp với Ủy ban nhân dân các tỉnh trong việc tổ chức thực hiện quy định về vật liệu xây dựng và bãi đổ thải tại Điều 8 Nghị quyết này.

e) Rà soát, đánh giá tổng kết việc thực hiện chính sách tại Nghị quyết này sau 02 năm ban hành và đề xuất sửa đổi, bổ sung quy định pháp luật (nếu cần).

7. Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội, các Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các thành phố, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 11. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2025 đến khi hoàn thành việc đầu tư các dự án đường sắt đô thị của hai Thành phố tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

2. Đối với các dự án đầu tư đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành không phải phê duyệt lại, các hoạt động tiếp theo chưa được thực hiện thì Ủy ban nhân dân Thành phố được quyết định việc áp dụng các quy định của Nghị quyết này, trường hợp điều chỉnh dự án, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố có quyền và chịu trách nhiệm điều chỉnh quyết định đầu tư, không phải thực hiện điều chỉnh chủ trương đầu tư.

3. Không áp dụng các quy định sau của Luật Thủ đô:

a) Điểm a, b, c, d khoản 3 Điều 31;

b) Điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 37.

4. Các quy định khác nhau về cùng một vấn đề giữa Nghị quyết này với luật, Nghị quyết khác của Quốc hội thì áp dụng quy định của Nghị quyết này, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này.

5. Trường hợp luật, Nghị quyết của Quốc hội ban hành sau ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành có quy định khác với quy định của Nghị quyết này về cùng một vấn đề mà việc áp dụng có lợi hơn cho các dự án thì Ủy ban nhân dân Thành phố được quyết định việc áp dụng các quy định mới này để thực hiện dự án./.

Nghị quyết này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 202....

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Phụ lục
KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG MẠNG LƯỚI ĐƯỜNG SẮT ĐÔ
THỊ TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
(Kèm theo Nghị quyết số: /2025/QH15 ngày...tháng...năm 2025)

1. Thành phố Hà Nội

TT	Tên dự án	Dự kiến tiến độ thực hiện		
		2026-2030	2031-2035	2036-2045
A	CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ TRƯỚC 2035			
1	Tuyến 1: Ngọc Hồi - Yên Viên - Như Quỳnh			
-	Đoạn Ngọc Hồi - Yên Viên		x	
-	Đoạn Gia Lâm - Dương Xá		x	
2	Tuyến 2: Nội Bài - Thượng Đình - Bưởi			
-	Đoạn Nam Thăng Long - Trần Hưng Đạo	x		
-	Đoạn Trần Hưng Đạo - Thượng Đình	x		
-	Đoạn Nam Thăng Long - Nội Bài	x		
-	Đoạn kéo dài đi Sóc Sơn		x	
3	Tuyến 2A: Cát Linh - Hà Đông - Xuân Mai			
-	Đoạn Cát Linh - Hà Đông (đã đưa vào khai thác từ 06/11/2021)			
-	Đoạn kéo dài đi Xuân Mai		x	
4	Tuyến 3: Trôi - Nhôn - Yên Sở			
-	Đoạn Nhôn - ga Hà Nội (đoạn Nhôn - Cầu Giấy đã đưa vào khai thác từ 08/08/2024)	x		
-	Đoạn ga Hà Nội - Yên Sở (Hoàng Mai)	x		
-	Đoạn Nhôn - Trôi và kéo dài đi Sơn Tây		x	
5	Tuyến 4: Mê Linh - Sài Đồng - Liên Hà		x	
6	Tuyến 5: Văn Cao - Hòa Lạc	x		
7	Tuyến 6: Nội Bài - Ngọc Hồi		x	
8	Tuyến 7: Mê Linh - Hà Đông		x	
9	Tuyến 8: Sơn Đồng - Mai Dịch - Vành đai 3 - Lĩnh Nam - Dương Xá		x	

TT	Tên dự án	Dự kiến tiến độ thực hiện		
		2026 -2030	2031-2035	2036-2045
10	Tuyến vệ tinh: Sơn Tây - Hòa Lạc - Xuân Mai		x	
B	CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ SAU NĂM 2035			
-	Tuyến 2: đoạn từ Trần Hưng Đạo - Chợ Mơ - Ngã Tư Sở - Hoàng Quốc Việt			x
-	Tuyến 7: đoạn Mê Linh - Nội Bài			x
1	Tuyến 1A: Ngọc Hồi - Sân bay thứ 2 phía Nam			x
2	Tuyến 9: Mê Linh - Cổ Loa - Dương Xá			x
3	Tuyến 10: Cát Linh - Láng Hạ - Lê Văn Lương - Yên Nghĩa			x
4	Tuyến 11: Vành đai 2 - Trục phía Nam - Sân bay thứ 2			x
5	Tuyến 12: kéo dài Tuyến vệ tinh từ Xuân Mai đi Phú Xuyên			x

2. Thành phố Hồ Chí Minh

TT	Tên dự án	Dự kiến tiến độ thực hiện		
		2026 -2030	2031-2035	2036-2045
A	CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ TRƯỚC 2035			
1	Tuyến 1: Suối Tiên - Bến Thành - An Hạ			
-	Bến Thành - Suối Tiên (đã hoàn thành, dự kiến đưa vào khai thác từ 22/12/2024)			
-	Bến Thành - An Hạ	x	x	
2	Tuyến 2: Củ Chi - QL22 - An Sương - Bến Thành - Thủ Thiêm	x	x	
3	Tuyến 3: Hiệp Bình Phước - Bình Triệu - Ngã 6 Cộng Hòa - Tân Kiên - An Hạ	x	x	
4	Tuyến 4: Đông Thạnh (Hóc Môn) - sân bay Tân Sơn Nhất - Bến Thành - Nguyễn Hữu Thọ - Khu đô thị Hiệp Phước	x	x	

TT	Tên dự án	Dự kiến tiến độ thực hiện		
		2026 - 2030	2031- 2035	2036- 2045
5	Tuyến 5: Long Trường - Xa lộ Hà Nội - cầu Sài Gòn - Bảy Hiền - Đê-pô Đa Phước	x	x	
6	Tuyến số 6: Vành đai trong	x	x	
7	Tuyến 7: Tân Kiên - đường Nguyễn Văn Linh - Thủ Thiêm - Thảo Điền - Thanh Đa - Khu Công nghệ cao - Vinhomes Grand park	x	x	
B	CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ SAU 2035			
1	Tuyến 8: Đa Phước - Phạm Hùng - Ngô Gia Tự - Ga Sài Gòn - Công viên phần mềm Quang Trung - Hóc Môn - Bình Mỹ (Củ Chi)			x
2	Tuyến 9: An Hạ - Vĩnh Lộc - Ga Sài Gòn - Bình Triệu			x
3	Tuyến 10: Vành đai ngoài			x

*Ghi chú: đối với các dự án thực hiện đầu tư sau năm 2035, tùy theo nhu cầu vận tải, khả năng nguồn lực đầu tư và khả năng kết nối, Ủy ban nhân dân thành phố quyết định việc triển khai dự án sớm hơn.

